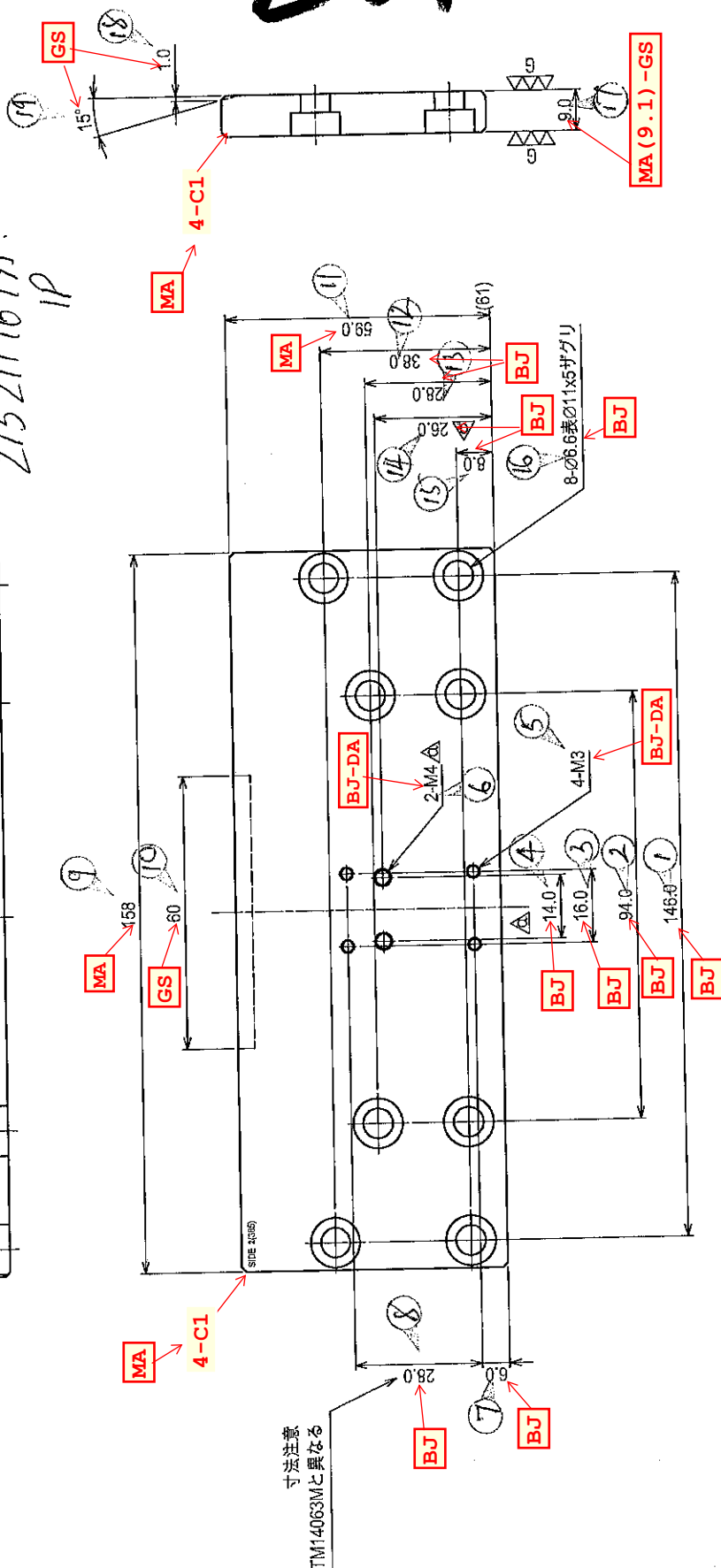



指示無き稜線C1

	0.0	0	A
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			
G W ( V W )			

213 211 167A  
1P



TM14063Mと異なる  
州長

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Indel_Kazuhito	SK011		部品図 PART DRAWING	押え板 HOLD-DOWN PLATE
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図	压紧板 壓緊板
Kamakura_Koichi		1:1	部品圖	壓緊板 壓緊板
DWIN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Kamakura_Koichi	HRC 60 ~ 62		2018/08/08	R105227

**MAZUCHI MOTOR CO., LTD.**

2

၈

5

८

SNO: **R105227**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKD11</b> <b>T13*70*170</b>	AA:20 MA:30 BJ:40 DA:10 HT:40 GS:40 AF:10